

Số: /SKHCN-VP

Hung Yên, ngày tháng 3 năm 2024

V/v hướng dẫn đề xuất đặt hàng
nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực
hiện từ năm 2025

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, hội cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các trường đại học, cao đẳng, viện và trung tâm nghiên cứu;
- Các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động KH&CN trong, ngoài tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên;

Thực hiện Công văn số 630/BKHCN-KHTC ngày 01/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Công văn số 544/UBND-KGVX ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2025.

Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên hướng dẫn các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, hội cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các trường đại học, cao đẳng; viện, trung tâm nghiên cứu KH&CN; doanh nghiệp KH&CN, tổ chức KH&CN; các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN trong và ngoài tỉnh (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương) căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và tình hình thực tế, những vấn đề của cơ quan, đơn vị, địa phương cần giải quyết để đề xuất UBND tỉnh Hưng Yên đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025, cụ thể như sau:

I. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA NĂM 2025 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

1. Định hướng đề xuất nhiệm vụ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định phê duyệt các chương trình KH&CN cấp quốc gia đến năm 2025 và năm 2030.

Để đảm bảo tiến độ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách thực hiện năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thực hiện năm 2025 và các năm tiếp theo cụ thể như sau:

a) Các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đề xuất đặt hàng phải đảm bảo các quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đưa vào thực hiện trong Chương trình cần phù hợp với mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá đã được nêu tại Quyết định phê duyệt của từng Chương trình tương ứng (*Chi tiết tại Phụ lục 1 gửi kèm theo*).

c) Các Quyết định phê duyệt Chương trình được đăng tải tại mục “Văn bản chỉ đạo, điều hành” trên cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN theo địa chỉ: www.most.gov.vn và trang web của chương trình theo địa chỉ: www.vpct.gov.vn/Home.html.

2. Hồ sơ, thời hạn đề xuất nhiệm vụ

a) Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Thời hạn nộp đề xuất thực hiện theo Thông báo số 97/TB-BKHHCN ngày 11/01/2024; Công văn số 666/BKHHCN-CNC ngày 04/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Thông báo kêu gọi, đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 (*Chi tiết có thông báo, công văn gửi kèm theo*).

II. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Định hướng chung

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được xây dựng, đề xuất bắt đầu thực hiện từ năm 2025 phải đáp ứng các tiêu chí, quy trình thủ tục quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ và bám sát mục tiêu, nội dung các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành:

a) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; số 38/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030; số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030; số 569/QĐ-TTg ngày

11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Quyết định số 2667/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025.

c) Chương trình hành động, Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy Hưng Yên: số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; số 10-CTr/TU ngày 06/8/2021 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; số 01-CTr/TU ngày 07/01/2021 về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020- 2025; số 11-CTr/TU ngày 04/10/2021 về thực hiện Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; số 34-CTr/TU ngày 15/02/2023 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 07-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 10-NQ/TU ngày 28/6/2021 về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 13-NQ/TU ngày 08/10/2021 về Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 21-NQ/TU ngày 24/3/2022 về phát triển thành phố Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2045; số 22-NQ/TU ngày 24/3/2022 về Đề án phát triển tổng thể kinh tế- xã hội vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 203-KH/TU ngày 12/6/2023 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; số 278-KH/TU ngày 29/02/2024 thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 340/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 về phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2021-2025; số 395/2023/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 về quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 2209/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên đến năm 2030; số 129/KH-UBND ngày 17/10/2019 thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; số 57/KH-UBND ngày 09/4/2021 thực hiện Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư; số 62/KH-UBND ngày 27/4/2021 thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 128/KH-UBND ngày 11/8/2021 thực hiện Quyết định 169/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển, ứng dụng KH&CN vũ trụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 142/KH-UBND ngày 16/9/2021 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 196/KH-UBND ngày 05/12/2022 thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên đến năm 2030; số 197/KH-UBND ngày 05/12/2022 triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2030; số 189/KH-UBND ngày 22/12/2023 về thực hiện Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 12/6/2023 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới và các văn bản liên quan khác.

2. Định hướng đề xuất theo từng lĩnh vực cụ thể

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Nghiên cứu chọn tạo, phục tráng, chuyển giao và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, dịch bệnh, phù hợp với từng vùng sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu theo định hướng chuyên đổi, tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong duy trì, bảo vệ, nâng cao hiệu quả đất trồng lúa của tỉnh. Đẩy mạnh công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, phân phối và kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình kỹ

thuật, ứng dụng công nghệ trong nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh hại, sản xuất chế phẩm sinh học, xử lý phụ phẩm, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y... nhằm phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, an toàn gắn với chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn;

b) Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao trong tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn, hàng hóa quy mô lớn theo các tiêu chuẩn VietGAP, VietGAPH, GlobalGAP,... gắn với truy xuất nguồn gốc, chuỗi giá trị khép kín; kinh tế tuần hoàn; mô hình nông nghiệp các bon thấp; chuyển đổi số trong nông nghiệp gắn với mã vùng sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển, hoàn thiện, ứng dụng công nghệ hiện đại trong chế biến, bảo quản, sản xuất các sản phẩm OCOP, sản phẩm đã được bảo hộ tài sản trí tuệ của địa phương (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận,...).

* Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 02 - 03 nhiệm vụ (***Ưu tiên nhiệm vụ KH&CN được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí thực hiện và các dự án sản xuất thử nghiệm ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện***).

2.2. Lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật

a) Nghiên cứu, phát triển, đổi mới và ứng dụng, làm chủ công nghệ, thiết bị trong tất cả các ngành, lĩnh vực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sử dụng ít lao động, thân thiện môi trường, có khả năng tạo giá trị kinh tế, hàm lượng khoa học, công nghệ cao;

b) Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới sáng tạo thúc đẩy nâng cao năng suất của doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển sản phẩm quốc gia, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, phát triển tài sản trí tuệ; đề xuất chính sách thúc đẩy thành lập Quỹ phát triển KH&CN tại doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp KH&CN; ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

c) Nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật công nghệ (công nghệ thông tin, thiết bị cảm biến, điều khiển, điện tử, tin học và viễn thông,...) và các thành tựu KH&CN vũ trụ trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên - môi trường, giao thông... phục vụ công tác cảnh báo, dự báo; điều hành và quản lý các ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội;

d) Hỗ trợ, phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ sau thu hoạch, công nghiệp phụ trợ,... đặc biệt, hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm nông sản chủ lực, dược liệu, thủ công mỹ nghệ của tỉnh đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ (Nhãn lồng, vải lai chín sớm, vải trứng, chuỗi tiêu hồng, cam, nghệ, long nhãn, đúc đồng, chạm bạc, mộc mỹ nghệ,...)

ứng dụng, làm chủ công nghệ, kết nối cung - cầu, thương mại điện tử nhằm mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

* Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 02 - 03 nhiệm vụ (***Ưu tiên nhiệm vụ KH&CN được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí thực hiện và các dự án sản xuất thử nghiệm ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện***).

2.3. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

a) Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến củng cố và xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; các vấn đề liên quan đến mô hình, giải pháp phát triển kinh tế nhanh và bền vững; cơ chế và giải pháp quản lý, sử dụng và phát huy tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; các giải pháp về phát triển y tế, giáo dục và đào tạo, KH&CN, đổi mới sáng tạo;

b) Tập trung nghiên cứu, đề xuất cơ sở khoa học trong xây dựng cơ chế, chính sách về bảo tồn, khai thác, phát huy di tích lịch sử, các giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể; nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp chính quyền trong tỉnh; thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); điều tra, khảo sát, đánh giá chất lượng nhân lực KH&CN; tính toán chỉ tiêu năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), công tác cải cách hành chính và các giải pháp khoa học thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

* Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (***Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có đối ứng kinh phí thực hiện***).

2.4. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, môi trường, công nghệ thông tin, chuyển đổi số

a) Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN trong đổi mới, cải tiến phương pháp, hình thức, công cụ hỗ trợ đào tạo; đề xuất, nâng cao hiệu quả, đổi mới chất lượng giáo dục và đào tạo; thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực KH&CN là các nhà khoa học, nhà công nghệ, các chuyên gia đầu ngành, nhà lãnh đạo, quản lý... Nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm các chương trình đào tạo tiên tiến, mô hình liên kết đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo;

b) Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN hiện đại trong dự báo, cảnh báo, chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm. Ưu tiên các nhiệm vụ trong phòng, điều trị các bệnh dịch mới phát sinh, bệnh do yếu tố môi trường; ứng dụng công nghệ mới trong phẫu thuật; sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguồn dược liệu tại địa phương; nghiên cứu và phát triển các phương pháp kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, phòng bệnh và điều trị. Nghiên cứu, bảo tồn các giống cây dược liệu quý hiếm của địa phương. Phát triển các giống cây dược liệu mới, từng bước hình thành vùng

trồng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến dược liệu của tỉnh. Đa dạng hóa các sản phẩm dược chế biến từ cây dược liệu trồng ở địa phương theo quy mô công nghiệp, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, các tiêu chuẩn của Bộ Y tế đã ban hành;

c) Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp KH&CN bảo vệ môi trường, giải quyết ô nhiễm môi trường do các hoạt động chế biến, tái chế, sản xuất kinh doanh tại một số làng nghề, doanh nghiệp, khu và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xử lý các nguồn chất thải gây ô nhiễm trong sản xuất, y tế và sinh hoạt; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường;

d) Nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu số và hạ tầng số làm nền tảng, phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ chủ chốt để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nghiên cứu các mô hình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và triển khai mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

* Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (***Ưu tiên nhiệm vụ KH&CN được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí thực hiện và các dự án sản xuất thử nghiệm ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện***).

2.5. Lĩnh vực an ninh, quốc phòng

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề về đảm bảo an ninh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm truyền thống và phi truyền thống; các giải pháp xã hội hóa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo đảm an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai do biến đổi khí hậu; giải pháp tăng cường bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống dữ liệu, mạng chuyên dùng của tỉnh. Ứng dụng KH&CN trong nghiên cứu, đề xuất các giải pháp dự báo, cảnh báo, nhận diện, kiểm soát, phòng, chống và khắc phục hậu quả sự cố bức xạ và hạt nhân, các vấn đề an ninh phi truyền thống gây ra.

* Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (***Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có đối ứng kinh phí thực hiện***).

2.6. Nhiệm vụ đề xuất thuộc Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường trong doanh nghiệp, tổ chức

a) Nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nghiệp KH&CN nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ, thành tựu KH&CN, đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất doanh nghiệp; các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng giải pháp năng suất xanh, truy xuất nguồn

gốc, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng gắn với chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp điện-điện tử, viễn thông, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, dệt may, công nghiệp môi trường,...; xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình bảo đảm đo lường tại doanh nghiệp; tăng cường hoạt động đo lường đồng hành cùng với hoạt động doanh nghiệp. Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ về đo lường; đề xuất dự án/đề tài ứng dụng tiến bộ KH&CN về đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ đo lường tiên tiến trong quá trình sản xuất.

* Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (*Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có đối ứng kinh phí thực hiện*).

2.7. Nhiệm vụ đề xuất thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ

Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác, bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ; các dự án xây dựng mô hình quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, trường học; sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong khai thác sáng chế, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý, bảo hộ giống cây trồng, quyền tác giả và quyền liên quan; giá trị nhân văn truyền thống, bảo tồn nguồn gen, du lịch...; hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ trong nước, kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sau bảo hộ đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh phục vụ nội tiêu và hướng tới xuất khẩu.

* Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (*Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có đối ứng kinh phí thực hiện*).

** **Tổng số đề xuất dự kiến đặt hàng:** Từ 09-16 đề xuất nhiệm vụ thuộc 07 lĩnh vực.

Lưu ý: Ngoài những vấn đề định hướng chung, định hướng cụ thể từng lĩnh vực nêu trên, các sở, ban, ngành, hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động căn cứ tình hình, những vấn đề phát sinh trong thực tiễn của ngành, địa phương cần giải quyết để đề xuất các nhiệm vụ KH&CN phù hợp, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

3. Định hướng về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước cần làm rõ phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và phương án xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ (nếu có); sau khi đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên phải được tiếp tục nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hoặc thương mại hóa; cơ quan, đơn vị nhận giao quyền để nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hoặc thương mại hóa phải có đủ năng lực tiếp nhận, triển

khai áp dụng và địa chỉ áp dụng rõ ràng theo mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN trong hợp đồng đã ký.

4. Thời hạn gửi đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025

a) Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Công văn và Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025 (*theo mẫu tại Phụ lục 2 gửi kèm Công văn này hoặc trên Cổng Thông tin điện tử của Sở KH&CN Hưng Yên*) về Văn phòng Sở để tổng hợp. Thời hạn nhận đề xuất (*nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc hệ thống quản lý văn bản và điều hành các cơ quan tỉnh Hưng Yên*): **Chậm nhất đến 16h00' ngày 01 tháng 4 năm 2024.**

b) Địa chỉ nhận phiếu đề xuất: Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên

Địa chỉ: Số 17, đường An Vũ, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Khi cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham khảo trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên (<http://khcnhungyen.gov.vn>) hoặc liên hệ với Phó Chánh Văn phòng Sở (SĐT: 094.2200.232) để được cung cấp thông tin và giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng KH&CN tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Cổng Thông tin điện tử Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP^{XT}.

GIÁM ĐỐC

Trần Tùng Chuẩn

PHỤ LỤC 1*(Kèm theo Thông báo số 97/TB-BKHCN ngày 11/01/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Mã số Chương trình	Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030	Quyết định phê duyệt số	Thông tin liên hệ
KC.01/21-30	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh	1002/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2022	Chú thích 1
KC.02/21-30	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu	1216/QĐ-BKHCN ngày 01/7/2022	Chú thích 2
KC.03/21-30	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí và tự động hoá	829/QĐ-BKHCN Ngày 24/5/2022	Chú thích 1
KC.05/21-30	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng	1217/QĐ-BKHCN ngày 01/7/2022	Chú thích 2
KC.06/21-30	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ ngành công nghiệp môi trường	1251/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022	Chú thích 2
KC.07/21-30	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa trong nông nghiệp	1252/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022	Chú thích 2
KC.08/21-30	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	1033/QĐ-BKHCN ngày 20/06/2022	Chú thích 3
KC.09/21-30	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	1034/QĐ-BKHCN ngày 20/06/2022	Chú thích 3
KC.10/21-30	Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ tiên tiến trong y tế và phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe	1254/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022	Chú thích 2
KC.11/21-30	Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hoá dược và dược phẩm	1255/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022	Chú thích 2
KC.12/21-30	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học	1253/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022	Chú thích 2
KC.13/21-30	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng KH&CN vũ trụ	483/QĐ-BKHCN ngày 23/3/2023	Chú thích 1
KX.01/21-30	Nghiên cứu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới	1031/QĐ-BKHCN ngày 20/06/2022	Chú thích 3

Mã số Chương trình	Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030	Quyết định phê duyệt số	Thông tin liên hệ
KX.03/21-30	Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực nhân văn phục vụ phát triển đất nước	1032/QĐ- BKHCN ngày 20/06/2022	Chú thích 3
KX.05/21-30	Xây dựng và hoàn thiện thể chế tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới	1030/QĐ- BKHCN ngày 20/06/2022	Chú thích 3
KX.06/21-30	Nghiên cứu các vấn đề quốc tế và khu vực nhằm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế	1029/QĐ- BKHCN ngày 20/06/2022	Chú thích 3
KX.07/21-30	Nghiên cứu đổi mới quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam	2454/QĐ- BKHCN ngày 5/12/2022	Chú thích 4

- **Chú thích 1:** Vụ Công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ (Điện thoại: 0243-5560699/0243-5560648. Email: vucnc@most.gov.vn).
- **Chú thích 2:** Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Bộ Khoa học và Công nghệ (Điện thoại: 0243-5560631. Email: cnn@most.gov.vn).
- **Chú thích 3:** Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ (Điện thoại: 0243-5560637/0243-5560640. Email: xhtn@most.gov.vn).
- **Chú thích 4:** Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Điện thoại: 0243-8258036/0243-8266560. Email: visti@most.gov.vn).

PHỤ LỤC 2

Mẫu Phiếu đề xuất hạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025
(Kèm theo Công văn số /SKHCN-VP ngày tháng năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên)

Mẫu A1-ĐXNV
 06/2023/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN TỔ CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

(Dùng cho Đề tài khoa học và công nghệ)

1. Tên nhiệm vụ:

2. Loại hình nhiệm vụ:

- Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: khoa học tự nhiên;
 khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp.
- Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.
- Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có).
- Cấp tỉnh.

3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: *(Giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)*

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*

5. Mục tiêu:

6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:

7. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:

9. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

10. Danh mục tài liệu tham khảo: *(Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)*

11. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Tên chủ nhiệm nhiệm vụ:; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân *(nếu có)*:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với
tổ chức)*

¹ *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 10 trang giấy khổ A4.*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN TỔ CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

(Dùng cho Dự án sản xuất thử nghiệm)

1. Tên nhiệm vụ:

2. Loại hình nhiệm vụ:

- Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có).

- Cấp tỉnh.

3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: *(Giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)*

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*

5. Mục tiêu:

6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:

7. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:

9. Dự kiến hiệu quả mang lại:

10. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

11. Xuất xứ hình thành: *(Cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ; Kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả chuyển giao công nghệ)*

12. Nhu cầu thị trường: *(Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm)*

13. Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất)*

14. Danh mục tài liệu tham khảo: *(Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)*

15. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Tên chủ nhiệm nhiệm vụ:; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân (*nếu có*):; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(*Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với
tổ chức*)

² *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 10 trang giấy khổ A4.*

